

Họ tên: Lớp:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Tảo là những sinh vật được xếp vào giới nào sau đây?

- A. Giới Nguyên sinh. B. Giới Động vật.
C. Giới Khởi sinh. D. Giới Thực vật.

Câu 2: Nguyên tố nào sau đây thuộc nhóm nguyên tố vi lượng?

- A. Oxi. B. Đồng. C. Nitơ. D. Hiđro.

Câu 3: Các cấp tổ chức sống **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

- A. Không theo nguyên tắc thứ bậc. B. Liên tục tiến hóa.
C. Có khả năng tự điều chỉnh. D. Hệ thống mở.

Câu 4: Cấu tạo chung của tế bào nhân sơ bao gồm 3 thành phần chính là

- A. màng sinh chất, tế bào chất, vùng nhân.
B. thành tế bào, tế bào chất, nhân.
C. thành tế bào, màng sinh chất, nhân.
D. màng sinh chất, thành tế bào, vùng nhân.

Câu 5: Thành phần hóa học của cacbohidrat **không** có nguyên tố nào dưới đây?

- A. N. B. H. C. C. D. O.

Câu 6: Loại lipit nào dưới đây được hình thành do một phân tử glixêrôl liên kết với 3 axit béo?

- A. Mỡ. B. Stêroit. C. Phospholipit. D. Vitamin A.

Câu 7: Phân tử ADN **không** có loại nucleôtit nào sau đây?

- A. X. B. A. C. G. D. U.

Câu 8: Trình tự sắp xếp đặc thù của các axit amin trong chuỗi pôlipeptit tạo nên prôtêin có cấu trúc bậc

- A. 3. B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 9: Đơn vị phân loại nhỏ nhất trong sinh giới là

- A. chi. B. loài. C. bộ. D. giới.

Câu 10: Thành phần hóa học cấu tạo nên màng sinh chất của tế bào nhân sơ là

- A. phospholipit và prôtêin. B. peptidôglican.
C. kitin. D. xilic.

Câu 11: Cấp tổ chức cao nhất của thể giới sống là

- A. Sinh quyển. B. Quần xã. C. Cơ quan. D. Quần thể.

Câu 12: Loại prôtêin nào sau đây có chức năng xúc tác cho các phản ứng sinh hóa?

- A. Kháng thể. B. Cazêin (prôtêin sữa).
C. enzim. D. Hêmôglobin.

Câu 13: Loại lipit nào dưới đây có chức năng chính là dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể?

- A. Phospholipit. B. Carôtenôit. C. Mỡ. D. Vitamin D.

Câu 14: Các nguyên tố vi lượng thường tham gia vào cấu tạo nên

- A. vitamin, enzim.

- B. các đại phân tử hữu cơ, vitamin.
- C. protein, lipit, axit nucleic.
- D. protein, lipit, axit nucleic, vitamin.

Câu 15: Những giới sinh vật nào dưới đây có các sinh vật nhân thực?

- A. Giới Nguyên sinh, giới Thực vật, giới Động vật, giới Khởi sinh.
- B. Giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật, giới Khởi sinh.
- C. Giới Khởi sinh, giới Thực vật, giới Động vật, giới Nấm.
- D. Giới Nguyên sinh, giới Thực vật, giới Động vật, giới Nấm.

Câu 16: Phát biểu nào dưới đây **sai**?

- A. Giới Thực vật gồm những sinh vật sống tự dưỡng, có khả năng cảm ứng chậm.
- B. Giới Nguyên sinh gồm những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng.
- C. Giới Động vật gồm những sinh vật sống tự dưỡng, phản ứng nhanh và có khả năng di chuyển.
- D. Giới Nấm gồm những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, sống dị dưỡng.

Câu 17: Cho các đặc điểm sau:

- (a) Cấu tạo đơn giản, chưa có nhân hoàn chỉnh.
- (b) Chứa một phân tử ADN dạng hở.
- (c) Không có các bào quan có màng bao bọc.

Số đặc điểm **không** đúng đối với tế bào nhân sơ là

- A. 2.
- B. 0.
- C. 1.
- D. 3.

Câu 18: Hàng ngày, chúng ta phải ăn nhiều protein từ các loại thực phẩm khác nhau để cung cấp đủ

- A. các loại axit béo khác nhau.
- B. các loại axitamin khác nhau.
- C. các loại đường khác nhau.
- D. các nucleotit tự do khác nhau.

Câu 19: Dây cacbohidrat nào sau đây được cấu tạo từ hai phân tử đường đơn?

- A. Fructôzơ, galactôzơ.
- B. Glucôzơ, lactôzơ.
- C. Mantôzơ, saccarôzơ.
- D. Glucôzơ, galactôzơ.

Câu 20: Nước **không** có vai trò nào sau đây đối với tế bào?

- A. Thành phần cấu tạo của tế bào.
- B. Dung môi hòa tan các chất.
- C. Tham gia vào quá trình chuyển hóa năng lượng để duy trì sự sống.
- D. Môi trường của các phản ứng sinh hóa.

Câu 21: Sự sống của thế giới sinh vật được tiếp diễn liên tục là nhờ

- A. sự truyền thông tin trên ADN từ tế bào này sang tế bào khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- B. khả năng tiến hoá thích nghi với môi trường sống.
- C. khả năng cảm ứng đặc biệt của sinh vật.
- D. khả năng tự điều chỉnh cân bằng nội môi.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Trình bày cấu tạo và phân loại cacbohidrat, nêu ví dụ cho mỗi loại tương ứng.

Câu 2 (1,0 điểm): Một đoạn ADN có chiều dài bằng 8160 Å, có số nu loại X bằng 1440. Tính tổng số nu và số nu loại T của đoạn ADN trên.

Câu 3 (1,0 điểm): Để thấy rõ tầm quan trọng của bảo vệ rừng và trồng rừng, em hãy trình bày vai trò của giới thực vật đối với con người và hệ sinh thái.

----- **HẾT** -----